

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở
tại Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng
Địa điểm: Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 79/2021/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 2172/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất

huyện Vĩnh Thạnh để xây dựng Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng, thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 413/TTr-BQL ngày 23/8/2023 và Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 414/TTr-TNMT ngày 04/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng, cụ thể như sau:

1. Tổng số lô đất đấu giá là 15 lô; diện tích 1.953,6m².

2. Giá khởi điểm:

- Lô số 01 (lô góc): Giá khởi điểm 7.200.000 đồng/m².

- Lô số 02, 10, 11, 12, 13: Giá khởi điểm 6.000.000 đồng/m².

- Lô số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09: Giá khởi điểm 6.500.000 đồng/m².

- Lô số 14, 15: Giá khởi điểm 5.500.000 đồng/m².

3. Tổng số tiền dự kiến thu được từ bán đấu giá quyền sử dụng đất của các lô đất ở tại Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng là **12.274.930.000 đồng** (Mười hai tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 15 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, K5, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Thông

PHỤ LỤC CHI TIẾT

**Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư đoạn lò gạch cũ sau nhà ông Võ Ngọc Sáng
Địa điểm: Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh**

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2023 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Thạnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Kích thước	Diện tích (m ²)	Cơ sở xây dựng giá đất					Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Ghi chú
				Giá theo Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh	Giá trúng đấu giá bình quân theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND huyện (Khu dân cư phía Bắc trụ sở UBND thị trấn và khu dân cư phía Tây bên xe chạy dọc đến giáp suối sau nhà ông Đùng)	Giá trúng đấu giá bình quân theo Quyết định số 1911 và 1912/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện (Khu dân cư thôn Định An)	Giá trúng đấu giá bình quân theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND huyện (Khu dân cư phía Bắc trụ sở UBND thị trấn và khu dân cư phía Tây bên xe chạy dọc đến giáp suối sau nhà ông Đùng)	Giá chuyên nhượng trên địa bàn thị trấn Vĩnh Thạnh (theo hợp đồng được chứng thực)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=(8*1)	10
1	01		94,40	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	7.200.000	679.680.000	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	02	5,00 x 24,00	123,40	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.000.000	740.400.000	
3	03	5,00 x 33,42	167,10	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	1.086.150.000	
4	04	5,00 x 33,88	169,40	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	1.101.100.000	
5	05	5,00 x 31,42	157,10	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	1.021.150.000	
6	06	5,00 x 31,54	157,70	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	1.025.050.000	

7	07	5,50 x 30,98	170,40	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	1.107.600.000	
8	08	5,00 x 28,10	140,50	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	913.250.000	
9	09	5,00 x 25,84	129,20	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.500.000	839.800.000	
10	10	5,00 x 23,67	118,20	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.000.000	709.200.000	
11	11	5,00 x 21,70	108,70	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.000.000	652.200.000	
12	12	5,00 x 19,90	99,50	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.000.000	597.000.000	
13	13	6,00 x 17,78	106,70	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	6.000.000	640.200.000	
14	14	6,00 x 15,02	90,10	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	5.500.000	495.550.000	
15	15	13,70 x 8,85	121,20	1.350.000	2.742.000	2.188.000	3.067.000	774.000	5.500.000	666.600.000	
TỔNG CỘNG			1.953,6							12.274.930.000	